

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày: 21-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 05/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng vay, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1959; Nơi cư trú: phường x, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1968; Địa chỉ: phường x, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/12/2020. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn D, sinh năm 1968; Nơi ĐKKHKT: xã CP, huyện TT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chỗ ở hiện nay (Nơi làm việc): Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Gia Bào Hồng Ngự, địa chỉ: thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 12 năm 2020 của nguyên đơn ông Đỗ Thanh T và lời trình bày người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng G trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì:

Vào ngày 22/12/2014, ông Đặng Văn D có hỏi mượn của ông Đỗ Thanh T số tiền 2.000.000.000 đồng, có làm giấy mượn tiền do ông D viết, hạn đến ngày 20/01/2015 sẽ trả hết. Tuy nhiên, đến hạn thì ông D vẫn không trả số nợ này, mà trả nhiều lần. Sau đó, đến ngày 15/3/2016, thì ông D có làm xác nhận công nợ là còn nợ lại ông T số tiền 1.227.200.000 đồng. Đến ngày 30/8/2016, sau nhiều lần thanh toán thì ông D xác nhận còn nợ là 939.700.000 đồng. Đến ngày 01/8/2017, thì ông D có làm cam kết trả nợ với số tiền còn lại là 839.700.000 đồng và hứa đến ngày 30/9/2017 thì sẽ trả dứt. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay ông D vẫn không thực hiện đúng cam kết trả nợ. Nên ông T yêu cầu ông D trả số tiền còn nợ là 839.700.000 đồng và tiền lãi tính ngày 30/9/2017 đến ngày Tòa án xét xử xong với lãi suất là 0,83%/tháng. Ngoài ra không yêu cầu tính lãi tiếp. Đối với giấy mượn tiền ngày 22/12/2014, thì ông D ghi là mượn ông bà Võ Thúy L (là vợ ông), tuy nhiên do khi đó có vợ chồng ông có mặt cho mượn tiền nên ông D ghi như vậy, chứ số nợ này là của ông cho mượn riêng của ông không liên quan gì đến bà Thúy L.

Đối với bị đơn ông Đặng Văn D, Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng ông từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Đề nghị hoãn phiên tòa để đảm bảo việc niêm yết Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa đủ 15 ngày. Ngoài ra, không phát biểu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:* Ông Đỗ Thanh T khởi kiện ông Đặng Văn D về việc còn nợ số tiền vay chưa trả dứt điểm nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông Đặng Văn D hiện đang làm việc tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất GB HN, địa chỉ: thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, vì vậy theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Văn D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị hoãn phiên tòa để đảm bảo việc niêm yết Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa đủ 15 ngày, Hội đồng xét xử nhận thấy, việc thay đổi thời gian mở phiên tòa từ ngày 19/5/2021 qua ngày 21/5/2021 xuất phát từ Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-DS ngày 29/4/2021, việc niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa đã đảm bảo thời gian trên 15 ngày, việc dời ngày mở lại phiên tòa vẫn không gây bất lợi gì cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[4] Đối với giấy mượn tiền ngày 22/12/2014 mà ông D ghi là mượn của ông bà Võ Thúy L, nhưng bà L có văn bản trình bày đây là việc mượn tiền giữa ông D với chồng bà là ông T, không có liên quan gì đến bà; ngoài ra, tại bản cam kết trả nợ ngày 01/8/2017 của ông D vẫn thừa nhận là nợ của ông T, vì vậy số nợ này thực chất là ông D mượn của ông T. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa bà Võ Thúy L vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[5] Xét yêu cầu của ông Đỗ Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn ông Đặng Văn D có nợ tiền của ông Đỗ Thanh T, điều đó đã được thể hiện qua giấy mượn tiền ngày 22/12/2014 là ông D có mượn của ông T với số tiền là 2.000.000.000 đồng và cam kết 01 tháng sau là ngày 20/1/2015 sẽ trả lại toàn bộ cho ông T. Nhưng sau thời gian cam kết ông D vẫn không thanh toán dứt điểm số tiền mượn cho ông T mà trả làm nhiều đợt như: xác nhận công nợ ngày 15/3/2016, còn nợ là 1.227.200.000 đồng; ngày xác nhận nợ 16/8/2016 thì còn nợ là 939.700.000 đồng và cam kết trả nợ ngày 01/8/2017 thì còn nợ là 839.700.000 đồng, hứa đến ngày 30/9/2017 thì sẽ trả dứt điểm, nhưng vẫn không thực hiện. Vì vậy, việc khởi kiện của ông Đỗ Thanh T là có căn cứ, còn ông D không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về yêu cầu tiền lãi, ông T yêu cầu tính tiền lãi tính ngày 30/9/2017 đến ngày Tòa án xét xử xong với lãi suất là 0,83%/tháng: Hội đồng xét xử xét thấy do từ ngày 30/9/2017, ông D không thực hiện việc cam kết trả nợ theo văn bản cam kết trả nợ ngày 01/8/2017 nên ông D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, vì vậy việc yêu cầu tính lãi của ông T là có căn cứ theo khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự:

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.”. Do giữa các đương sự không có thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền nên việc tính lãi được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự với lãi suất là 10%/năm, tương ứng với 0,83%/tháng, vì vậy yêu cầu của ông T về mức lãi suất là đảm bảo theo quy định. Căn cứ quy định trên, khoản tiền ông D chậm trả 839.700.000 đồng, tính lãi từ ngày từ ngày 30/9/2017 đến ngày 21/5/2021 (ngày xét xử) là 43 tháng 21 ngày với số tiền lãi làm tròn là 304.567.000 đồng .

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông D phải trả số tiền còn nợ tổng cộng là 1.144.267.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận”; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, ông Đặng Văn D chịu toàn bộ án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 1.144.267.000 đồng với mức án phí sơ thẩm là 46.328.000 đồng; ông Đỗ Thanh T thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 92, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Thanh T. Buộc ông Đặng Văn D trả cho ông Đỗ Thanh T số tiền vay còn nợ là 1.144.267.000 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Ông Đặng Văn D chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 46.328.000 đồng.

3.2. Ông Đỗ Thanh T thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng